

Biểu mẫu 09
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
Trường THPT Lý Thường Kiệt

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	11 lớp	11 lớp	11 lớp
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	THPT trong cả nước	THPT trong cả nước	THPT trong cả nước
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Chặt chẽ-nghiêm túc	Chặt chẽ-nghiêm túc	Chặt chẽ-nghiêm túc
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ..)	Đầy đủ	Đầy đủ	Đầy đủ
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đúng theo hướng dẫn của Sở	Đúng theo hướng dẫn của Sở	Đúng theo hướng dẫn của Sở
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Chuẩn, Dân chủ, đúng quy định	Chuẩn, Dân chủ, đúng quy định	Chuẩn, Dân chủ, đúng quy định
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	98 % đạo đức Khá trở lên, không có kém. 95% học lực TB trở lên.	98 % đạo đức Khá trở lên, không có kém. 95% học lực TB trở lên.	98 % đạo đức Khá trở lên, không có kém. 95% học lực TB trở lên.
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	96% lên lớp thẳng	96% lên lớp thẳng	- 100 % hs tốt nghiệp lớp 12. - Trên 70% vào ĐH,CD. - Còn lại vào các trường trung cấp, nghề.

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2024

Thư trưởng đơn vị



Dương Hai Bảy Mười

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
Trường THPT Lý Thường Kiệt

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	17	0,7 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	17	0,7 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn		-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	06	15,75 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	02	
8	Bình quân học sinh/lớp	1480/33	45
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	16.000	10,8 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6.800	4.6 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	967,5	0.65m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	328	0,22 m ² /học sinh
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	84	0,056 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	338	0,25 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	1,5	0,19
2	Khối lớp 11	1,36	0,15
3	Khối lớp 12	1,48	0,15
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	55	0,037 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	0,125
2	Cát xét	07	0,29
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	0,125

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	09	0,38
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024



Dương Hai Bảy Mười

Biểu mẫu 12
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
Trường THPT Lý Thường Kiệt

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	66				23	35		03	03	
I	Giáo viên	59				22	37				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	10	08 biên chế	02 thỉnh giảng		02	8				
2	Lý	06	06 biên chế			02	04				
3	Hóa	05	05 biên chế			02	03				
4	Văn	08	07 biên chế	01 thỉnh giảng		05	03				
5	GDQP	02	01 biên chế	01 thỉnh giảng			02				
6	Tin học	02	02 biên chế				01				
7	Ngoại ngữ	07	06 biên chế	01 thỉnh giảng		03	04				
8	Thể dục	04	03 biên chế				03				
9	Sinh học	04	04 biên chế			03	01				
10	Địa lý	03	03 Biên chế			01	02				
11	Lịch sử	03	03 biên chế			02	01				
12	GD CD	02	02 biên chế			1	01				
13	Công nghệ	03	02 biên chế	01 thỉnh giảng		1	02				
14	GD Địa phương	01		01 thỉnh giảng			01				
II	Cán bộ quản lý	03				01					
2	Phó hiệu trưởng	02	Biên chế			02					
III	Nhân viên	08				0	02		03	03	
1	Nhân viên văn thư	01	Biên chế				01				
2	Nhân viên kế toán	01	HĐ không thời hạn				01				
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	01	Biên chế						01		
5	Nhân viên thư viện	01	HĐ						01		
6	Nhân viên khác	04			HĐ68				01	03	

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Dương Hai Bảy Mười

Biểu A1.1

**XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Dành cho trường THPT công lập không có lớp chuyên và trường công lập tự chủ)

Tên trường THPT Lý Thường Kiệt

Địa chỉ: Tổ 11 phường Thượng Thanh, quận Long Biên.

Điện thoại liên hệ : 0865281816

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV (có mặt 30/12/2023). <i>Chia ra :</i>	Người	71	71	
	- Cán bộ quản lý	Người	03	03	
	- Giáo viên	Người	59	59	
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người	55	53	
	<i>- Hợp đồng</i>	Người	4	6	
	- Công nhân viên	Người	9	9	
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người	5	5	
	<i>- Hợp đồng</i>	Người	4	4	
2	Tổng số lớp	Lớp	33	33	
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	Lớp	11	11	
	<i>Lớp 11</i>	Lớp	11	11	
	<i>Lớp 12</i>	Lớp	11	11	
3	Tổng số học sinh	Học sinh	1485	1502	
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	Học sinh	495	498	
	<i>Lớp 11</i>	Học sinh	495	501	
	<i>Lớp 12</i>	Học sinh	495	503	

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Tâm

Vũ Thị Thanh Tâm

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu)

Dương Hai Bảy Mười

Dương Hai Bảy Mười

Biểu A1.2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ

Tên trường : : THPT Lý Thường Kiệt

A. Tình hình cơ sở vật chất :

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	17	17	0	0

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1. Vật lý	01	81 m ²		
<i>Phòng chuẩn bị TH</i>		27m ²		
2. Hóa học	01	81 m ²		
<i>Phòng chuẩn bị TH</i>		27m ²		
3. Sinh học	01	54 m ²		Chưa có phòng chuẩn bị
<i>Phòng chuẩn bị TH</i>				
4. Công nghệ				
<i>Phòng chuẩn bị</i>				
5. Ngoại ngữ				
6. Tin học	01	81 m ²		
7. Phòng đa năng				
8. Thư viện	01	56 m ²		
<i>Số lượng sách, tài liệu tham khảo</i>	14.644	X	x	x
9. Nhà thể chất	01	338 m ²		
10. Phòng Y tế	01	27 m ²		

3. Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Đạt chuẩn ☒ Chưa đạt chuẩn ☐
 + Nhà vệ sinh cho giáo viên: Đạt chuẩn ☒ Chưa đạt chuẩn ☐